

Số: /GPMT-STNMT

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 29/VV-GPMT đề ngày 28/09/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Vũ Việt về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Khu nhà ở Vũ Việt tại phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số/TTr-CCBVMT ngày/...../2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Vũ Việt, địa chỉ tại tầng 19, P.1901, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu nhà ở Vũ Việt tại phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở Vũ Việt.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 0309220868 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 08/7/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 31/5/2022); văn bản số 5081/UBND-VP ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở Vũ Việt tại phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ.

1.4. Mã số thuế: 0309220868.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng mới khu nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất của dự án: khoảng 71.979,5 m²; quy mô dân số: khoảng 1.330 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Vũ Việt

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Vũ Việt có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày tháng năm 2022 đến ngày tháng năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phú Mỹ tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Vũ Việt;
- Bộ TNMT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- BGĐ Sở TNMT (b/c);
- Sở Xây dựng;
- Công an tỉnh;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- Phòng TNMT thị xã Phú Mỹ;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm CNTT TN&MT
(*đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở*);
- Lưu: VT, CCBVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Sơn Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2022 của
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở, khu thương mại dịch vụ, trường học phát sinh khoảng 222,4m³/ngày đêm được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 300m³/ ngày đêm để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước chung của khu vực trên đường Hắc Dịch - Tóc Tiên tại phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ; nước thải tiếp tục theo đường ống thoát nước của khu vực dẫn thoát về lưu vực khu vực hồ Châu Pha tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°), như sau: X = 1176158; Y = 431100.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý của hệ thống nước thải tập trung công suất 300m³/ngày đêm → 01 đường ống HDPE → Cống thoát nước chung trên đường Hắc Dịch - Tóc Tiên.
- Phương thức xả thải: chảy có áp.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A; K = 1,0), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|-------------------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| 1. | pH | - | 5 - 9 | Không | Không |
| 2. | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 30 | Không | Không |
| 3. | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 50 | Không | Không |
| 4. | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 500 | Không | Không |
| 5. | Sulfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 1,0 | Không | Không |
| 6. | Amoni (tính theo N) | mg/l | 5 | Không | Không |

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|-----|---|-------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| 7. | Nitrat (NO_3^-) (tính theo N) | mg/l | 30 | Không | Không |
| 8. | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 10 | Không | Không |
| 9. | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 5 | Không | Không |
| 10. | Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P) | mg/l | 6 | Không | Không |
| 11. | Tổng Coliforms | MPN/100ml | 3.000 | Không | Không |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa được tách biệt với nhau.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, công trình dịch vụ công cộng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $300\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hệ thống thu gom → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể MBR → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý → Cống thoát nước chung trên đường Hắc Dịch - Tóc Tiên.

- Công suất thiết kế: $300\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, Giá thể sinh học.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: không

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thực hiện thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước thải đầu ra để kịp thời khắc phục sự cố: Phối hợp với đơn vị có chức năng lấy mẫu định kỳ và ngẫu

nhiên khi có khả năng xảy ra sự cố đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo môi trường trước khi thoát ra môi trường.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải được lưu chứa tại bể thu gom, bể tách dầu và bể điều hoà (tổng dung tích khoảng 200m³). Sau khi điều tra nguyên nhân, khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Định kỳ vệ sinh, thay thế vật liệu lọc của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không tắc nghẽn trong quá trình vận hành.

b) Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, nhân viên vận hành sẽ khóa van đường dẫn nước thải từ bể chứa nước thải sau xử lý ra đường ống thoát nước thải sau xử lý và mở van đường dẫn nước thải từ bể chứa nước thải sau xử lý dẫn về bể thu gom. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý biết để điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố, bao gồm các hoạt động:

- Thực hiện kiểm tra nguồn điện. Khi phát hiện sự cố do mất điện: sẽ khởi động máy phát điện dự phòng để vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện kiểm tra các máy móc, thiết bị thông qua tín hiệu báo của tủ điều khiển hoặc qua kiểm tra trực tiếp. Khi phát hiện sự cố là do hư hỏng các máy móc, thiết bị sẽ cho hoạt động các máy móc, thiết bị dự phòng (bơm, máy thổi khí); một số máy móc, thiết bị không có sẵn, sẽ nhanh chóng mua và thay thế trong thời gian sớm nhất.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào thông qua kết quả phân tích mẫu nước thải đầu vào và bằng các bộ test nhanh để phát hiện các chỉ tiêu ô nhiễm cao bất thường. Khi phát hiện sự cố do nước thải đầu vào có nồng độ các chất ô nhiễm cao, đơn vị vận hành hệ thống XLNT sẽ:

+ Dựa trên kết quả phân tích để điều chỉnh chế độ vận hành, thời gian lưu nước và liều lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nước thải đầu vào.

+ Kiểm tra nước thải đầu vào tại bể thu gom có nước ô nhiễm bất thường nhằm kiểm soát hoạt động xả thải của các hộ dân tại khu nhà ở.

+ Kiểm tra hoạt động của hệ vi sinh trong các bể xử lý sinh học, kiểm tra màng lọc MBR có bị tắc nghẽn.

+ Lấy mẫu nước thải sau từng công đoạn xử lý của hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra hiệu quả xử lý của từng công đoạn và chất lượng nước thải sau xử lý cho tới khi khắc phục xong sự cố.

- Sau khi khắc phục xong sự cố và vận hành hệ thống xử lý nước thải ổn định, có qua phân tích mẫu nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép; nhân viên vận hành sẽ mở van đường dẫn xả nước công thoát nước chung của khu vực.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 3-6 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

| Giai đoạn vận hành ổn định | Vị trí lấy mẫu | Loại mẫu | Số lượng mẫu | Chỉ tiêu quan trắc |
|--|--------------------------------|----------|--------------|---|
| HTXL nước thải công suất 300m ³ /ngày đêm | Đầu vào: Tại bể thu gom | Mẫu đơn | 1 | Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms. |
| | Đầu ra: Bể chứa nước sau xử lý | Mẫu đơn | 3 | |

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K = 1) |
|-----|---|--------------------------|---|
| 1. | Lưu lượng (đầu vào và đầu ra) | m ³ /ngày đêm | 300 |
| 2. | pH | - | 5 - 9 |
| 3. | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 30 |
| 4. | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 50 |
| 5. | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 500 |
| 6. | Sunfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 1,0 |
| 7. | Amoni (tính theo N) | mg/l | 5 |
| 8. | Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) | mg/l | 30 |
| 9. | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 10 |
| 10. | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 5 |
| 11. | Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) | mg/l | 6 |
| 12. | Tổng Coliforms | MPN/100ml | 3.000 |

2.3. Tần suất lấy mẫu: Sau khi kết thúc giai đoạn điều chỉnh 10 ngày sẽ lấy mẫu giai đoạn vận hành ổn định lấy trong 3 ngày liên tiếp, gồm 04 mẫu đơn (gồm 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

3.4. Phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.7. Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, xung quanh hệ thống xử lý nước thải phải trồng dải cây xanh cách ly (phân tầng) có chiều rộng $\geq 10\text{m}$.

Phụ lục 2
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.

- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.

- Trồng nhiều cây xanh quanh dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

| TT | Tên chất thải | Mã CTNH | Số lượng trung bình (kg/năm) |
|----|------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1 | Dầu nhớt thải | 17 02 04 | 100 |
| 2 | Giẻ lau dính dầu | 18 02 01 | 120 |
| 3 | Pin, ắc quy | 16 01 12 | 50 |
| 4 | Đèn ống, bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | 50 |
| 5 | Hộp mực in | 08 02 04 | 62 |
| 6 | Bình xịt phòng, bình xịt côn trùng | 18 01 04 | 50 |
| | Tổng cộng | | 432 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

| TT | Tên chất thải | Mã chất thải | Số lượng trung bình (kg/năm) |
|----|--------------------------------------|--------------|------------------------------|
| 1 | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải | 12 06 10 | 61.560 |
| | Tổng cộng | | 61.560 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

| TT | Tên chất thải | Số lượng trung bình (kg/năm) |
|----|--------------------|------------------------------|
| 1 | Rác thải sinh hoạt | 432.920 |
| | Tổng cộng | 432.920 |

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

Khuyến khích, hướng dẫn người dân tại khu nhà biệt thự, nhà liên kế, khu thương mại, trường học thực hiện phân loại, thu gom và trang bị thùng chứa chất thải nguy hại riêng trước khi bàn giao cho đơn vị thu gom rác đô thị.

Đối với trường học, khu dịch vụ công cộng phải thực hiện phân loại rác, bố trí thùng chứa CTNH và lưu chứa khu vực riêng biệt. Thực hiện ký hợp đồng thu gom CTNH với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/2/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu giữ trong bể chứa bùn; bùn thải định kỳ được chuyên giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Đối với rác thải phát sinh từ nhà dân tại khu biệt thự, nhà liên kế, khu thương mại, trường học tự trang bị thùng chứa rác riêng dung tích phù hợp với khối lượng chất thải của từng hộ dân, các cơ sở thương mại trường học và thực hiện phân loại rác tại nguồn. Hàng ngày vào giờ quy định chuyên giao rác thải cho đơn vị có chức năng thu gom của địa phương vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom rác thải của khu dân cư: 1 ngày/lần.

Đối với các khu công cộng: Chủ dự án trang bị và lắp đặt thùng chứa rác chuyên dụng (dung tích 120 lít) được bố trí trên vỉa hè tại các vị trí thuận lợi để thu gom rác công cộng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ dự án trước khi bàn giao các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo văn bản số 5081/UBND-VP ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các quy định có liên quan.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.